

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIẾT NGỮ HỌC

NGÀY QUỐC TẾ TIẾNG MẸ ĐÉ VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ “TIẾNG MẸ ĐÉ” TỪ THỰC TẾ Ở VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ HIỆN NAY

NGUYỄN VĂN KHANG*

TÓM TẮT: Bài viết giới thiệu *Ngày Quốc tế Tiếng mẹ đẻ/International Mother Language Day* (21/2) và những vấn đề xung quanh khái niệm “tiếng mẹ đẻ”, cho thấy tính phức tạp của khái niệm này. Từ đó, bài viết từ khảo sát thực tế, chỉ ra một số đặc điểm về tiếng mẹ đẻ ở vùng dân tộc thiểu số hiện nay.

TỪ KHOẢ: Ngày Quốc tế Tiếng mẹ đẻ; tiếng mẹ đẻ; dân tộc thiểu số.

NHẬN BÀI: 10/12/2018.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 20/2/2019

1. VỀ “Ngày Quốc tế Tiếng mẹ đẻ”/“International Mother Language Day; IMLD” (21/2)

Ngày 21 tháng 2 là “*Ngày Quốc tế Tiếng mẹ đẻ*”/“*International Mother Language Day*” (dưới đây gọi tắt là “*Ngày Tiếng mẹ đẻ*”). Sáng kiến này là của Bangladesh, được UNESCO phê duyệt vào năm 1999 và tổ chức lần đầu tiên chính thức vào năm 2000. Từ đó đến nay, hàng năm cứ đến ngày này, các hoạt động về *Ngày Tiếng mẹ đẻ* được diễn ra khắp nơi trên thế giới, tại các quốc gia thành viên của UNESCO nhằm quảng bá sự đa dạng ngôn ngữ, văn hóa. *Ngày Tiếng mẹ đẻ* cũng là ngày để tôn vinh bốn sinh viên đã ngã xuống vì vận động để cho tiếng mẹ đẻ của họ - tiếng Bengal, được sử dụng chính thức. Đây chính là nguyên nhân hay lịch sử ra đời của ngày này.

Như lịch sử đã ghi lại, năm 1947, tỉnh Bengal của Ấn Độ được tách làm đôi: phía Đông Bengal trở thành một tỉnh của Pakistan, sau này gọi là Đông Pakistan; phía Tây vẫn thuộc Ấn Độ. Cũng từ đó, sự bất đồng, xung đột về ngôn ngữ văn hóa giữa cư dân thuộc các tôn giáo khác nhau ở hai vùng đất này vốn đã căng thẳng lại càng căng thẳng hơn. Cụ thể của sự căng thẳng đó là vào ngày 21 tháng 3 năm 1948, Mohammed Ali Jinnah, Toàn quyền Pakistan, tuyên bố Urdu sẽ là ngôn ngữ chính thức duy nhất cho cả Tây và Đông Pakistan. Tuyên bố này vấp phải sự phản đối mạnh mẽ của phần lớn những người sử dụng tiếng Bengal ở Đông Pakistan với các cuộc biểu tình diễn ra. Chính phủ Pakistan nhanh chóng đặt ra ngoài vòng pháp luật các cuộc biểu tình này. Ngày 21 tháng 2 năm 1952, tại Đại học Dhaka đã diễn ra một cuộc biểu tình của nhiều sinh viên. Cảnh sát can thiệp và bốn trong số những sinh viên biểu tình đã bị sát hại. Sự việc này càng thúc đẩy “phong trào tiếng Bengal” đòi quyền sử dụng tiếng mẹ đẻ và đã buộc nhà cầm quyền phải công nhận tiếng Bengal ngang với tiếng Urdu. Ngày 29 tháng 2 năm 1956, tiếng Bengal trở thành ngôn ngữ chính thức ở Pakistan. Năm 1971, cuộc chiến tranh giải phóng Bangladesh kết thúc với sự ra đời Cộng hòa Nhân dân Bangladesh và tiếng Bengal trở thành ngôn ngữ chính thức của quốc gia này.

Thông qua cuộc vận động sử dụng tiếng mẹ đẻ, *Ngày Tiếng mẹ đẻ* không chỉ dừng lại là ngày lễ kỉ niệm mà để tôn vinh và thúc đẩy sự đa dạng ngôn ngữ nói riêng, đa dạng ngôn ngữ văn hóa nói chung. Theo UNESCO, đây là biểu hiện “tầm quan trọng của sự đa dạng về văn hóa và ngôn ngữ đối với các xã hội bền vững. Đó là nhiệm vụ của hòa bình, hoạt động để bảo tồn sự khác biệt trong văn hóa và ngôn ngữ, thúc đẩy sự khoan dung và tôn trọng

* GS.TS: Viện Ngôn ngữ học; Email: mvkhang@gmail.com

người khác”; “xã hội đa ngôn ngữ và đa văn hóa tồn tại thông qua các ngôn ngữ của họ truyền tải và bảo tồn kiến thức và văn hóa truyền thống một cách bền vững” [1].

Vì ngôn ngữ là một bộ phận của văn hóa và là công cụ truyền tải văn hóa, ngày *Tiếng Mẹ đẻ* được UNESCO “tổ chức nhiều sự kiện thúc đẩy không chỉ đa dạng về ngôn ngữ mà cả sự đa dạng về văn hóa. UNESCO cũng khuyến khích mọi người không chỉ sử dụng tiếng mẹ đẻ mà còn học thêm các ngôn ngữ khác”; “với mục tiêu chung là thúc đẩy sự đa dạng ngôn ngữ và giáo dục đa ngôn ngữ”. Có thể kể ra một số hoạt động của UNESCO về *Ngày Tiếng mẹ đẻ* [2]:

Năm 2000: Lễ ra mắt Ngày Quốc tế Tiếng mẹ đẻ.

Năm 2002: Đa dạng ngôn ngữ với khẩu hiệu “Trong dải ngân hà các ngôn ngữ, mỗi một từ là một ngôi sao”.

Năm 2004: Trẻ em được học hành.

Năm 2005: Chữ Braille và ngôn ngữ kí hiệu.

Năm 2006: Ngôn ngữ và Mạng thông tin.

Năm 2007: Học vấn đa ngôn ngữ. Trong Nghị quyết 61/266 của Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc (ngày 16/5/2007) đã “yêu cầu các nước thành viên và Ban Thư kí thúc đẩy việc bảo tồn và bảo vệ tất cả các ngôn ngữ được nói bởi các dân tộc trên toàn thế giới”.

Năm 2008: Năm Quốc tế ngôn ngữ, nhằm thúc đẩy sự thống nhất trong sự đa dạng và sự hiểu biết quốc tế nhờ đa ngôn ngữ và đa văn hóa.

Năm 2010: Về sự xích lại gần nhau giữa các nền văn hóa.

Năm 2014: Nhấn mạnh vào “các ngôn ngữ địa phương cho công dân toàn cầu: tập trung vào khoa học”, đồng thời chỉ ra, làm thế nào để các ngôn ngữ có thể đảm bảo việc tiếp cận với tri thức, quá trình truyền tải và sự đa dạng. Ngôn ngữ địa phương hoàn toàn có khả năng truyền tải các môn khoa học hiện đại nhất như: Toán học, Vật lý, Công nghệ.

Năm 2016: Giáo dục có chất lượng, ngôn ngữ giảng dạy và kết quả học tập, cụ thể: nhấn mạnh tầm quan trọng của giáo dục có chất lượng và việc học tập các ngôn ngữ, đặc biệt là tiếng mẹ đẻ, ngay từ những năm giảng dạy đầu tiên; khuyến khích sự đa dạng về ngôn ngữ và văn hóa; lan tỏa tinh thần đoàn kết, khoan dung, hiểu biết và đối thoại; ngôn ngữ giúp cho sự giao thoa giữa các nền văn hóa trao đổi với nhau; mỗi ngôn ngữ là nguồn ngữ nghĩa độc đáo để hiểu và miêu tả thế giới; một nền văn hóa hòa bình chỉ có thể được xây dựng trong một không gian, nơi tất cả mọi người có quyền sử dụng tiếng mẹ đẻ của họ một cách tự do đầy đủ.

Năm 2019: Ngôn ngữ bản địa quan trọng cho sự phát triển, xây dựng hòa bình và hòa giải.

2. Một số vấn đề về tiếng mẹ đẻ

2.1. Xung quanh khái niệm “tiếng mẹ đẻ”

Cho đến nay, tiếng mẹ đẻ vẫn là một khái niệm khá phức tạp.

Trước hết, có thể hiểu khái niệm này qua giải thích của từ điển. Chẳng hạn:

Tiếng mẹ đẻ là “ngôn ngữ dân tộc mình, trong quan hệ đối lập với các ngôn ngữ khác” [Từ điển tiếng Việt, 2002], là “ngôn ngữ mà một người học được ở đầu đời, trong tình hình chung là ngôn ngữ tiêu chuẩn của một dân tộc hoặc một phương ngữ” [Hiện đại Hán ngữ từ điển, 2002: 母语/mẫu ngữ]; là “tiếng nói người ta học đầu tiên khi là đứa trẻ; tiếng ở nơi sinh của ai” [Từ điển Anh-Việt: Mother tongue].

Tiếng mẹ đẻ là “ngôn ngữ mà một người từ nhỏ học được từ người mẹ (người Anh gọi là Mother tongue) [Từ điển ngôn ngữ học, Nxb Tam Dân, Đài Loan; 母语/mẫu ngữ]; “là ngôn ngữ dân tộc mình, khác với ngôn ngữ của dân tộc khác. Tiếng mẹ đẻ thường là ngôn ngữ đầu tiên được học ở nhà” [Từ điển Khái niệm ngôn ngữ học của Nguyễn Thiện Giáp, 2016]; là “thứ ngôn ngữ do người mẹ sinh ra sử dụng và truyền cho con mình trong quá trình nuôi con ở giai đoạn con học nói tự nhiên. Tiếng mẹ đẻ có thể trùng với bản ngữ, nếu bà mẹ là người vốn sống ở miền đất dùng thứ tiếng đó” [Diệp Quang Ban, Từ điển thuật ngữ ngôn ngữ học, 2010].

Các định nghĩa trên cho thấy, nội dung của tiếng mẹ đẻ tập trung vào: (i) thời gian (học được tiếng mẹ đẻ); (ii) (học được tiếng mẹ đẻ) từ ai/của ai; (iii) địa điểm/không gian (học được tiếng mẹ đẻ). Về thời gian, các lời giải thích đều thống nhất là “ngôn ngữ đầu tiên học được”. Sự khác nhau giữa các lời giải thích tập trung vào ngôn ngữ đó là “của ai”, tức là, tiếng mẹ đẻ là của dân tộc mình hay của bất kì dân tộc nào mà chỉ cần mình học được (như ở nơi mình sinh ra) và không gian/địa điểm học, tức là, “học ở nhà” hay “bất kì chỗ nào có thể” như ngoài xã hội, trên lớp, v.v. Lí do cho sự khác biệt này chính là do những tác động của nhân tố xã hội như: việc kết hôn khác dân tộc (ngôn ngữ của cha hay của mẹ được coi là ngôn ngữ đầu tiên, được coi là tiếng mẹ đẻ); sự di dân (chuyển môi trường sống của cha mẹ, cũng như của bản thân sau khi sinh ra và lớn lên); sự thay đổi ngôn ngữ của cộng đồng mình sinh ra và cư trú (vì những lí do khác nhau); v.v.

Vì liên quan đến các vấn đề về giáo dục ngôn ngữ cũng như giáo dục song ngữ/đa ngữ, xác định thành phần dân tộc, v.v nên khái niệm tiếng mẹ đẻ luôn là nội dung thảo luận của các khoa học chuyên ngành cũng như liên ngành như ngôn ngữ học, giáo dục học, dân tộc học, tâm lí học, v.v. Từ góc độ ngôn ngữ học, tiếng mẹ đẻ được nhìn nhận như sau [3]:

- Tiếng mẹ đẻ là ngôn ngữ ở nơi họ sinh ra và họ đắm chìm trong ngôn ngữ đó khi còn trẻ; người lớn trong gia đình cùng chia sẻ và sử dụng ngôn ngữ này.

- Tiếng mẹ đẻ là ngôn ngữ quốc gia của nước mà họ sinh ra trong thời kì phát triển quan trọng của cá nhân ấy.

- Tiếng mẹ đẻ là ngôn ngữ được tiếp thu một cách tự nhiên (trái với học ngôn ngữ sau này). Vì thế, “người bản ngữ sẽ không nhất thiết phải hiểu biết về mọi quy tắc ngữ pháp của ngôn ngữ, nhưng họ sẽ có trực giác tốt về các quy tắc thông qua trải nghiệm của họ với ngôn ngữ”.

- Căn cứ vào tình hình cụ thể ở mỗi quốc gia mà có thể có những cách nhìn khác nhau về tiếng mẹ đẻ. Chẳng hạn, điều tra dân số ở Canada coi tiếng mẹ đẻ là “ngôn ngữ đầu tiên được học ở nhà thời thơ ấu và vẫn được cá nhân hiểu được vào thời điểm điều tra dân số”. Ở Ấn Độ với khoảng 200 ngôn ngữ được xếp loại (còn thực tế có khoảng 1.625 ngôn ngữ và phương ngữ), tiếng mẹ đẻ được hiểu là tiếng nói dùng trong gia đình, bất kể trình độ phát triển của thứ tiếng ấy như thế nào.

Có thể thấy, tiếng mẹ đẻ chịu sự chi phối của nhân tố trong và ngoài ngôn ngữ. Chẳng hạn, là kết quả của một cuộc hôn nhân khác dân tộc, một đứa trẻ có thể có khả năng ngôn ngữ như sau: 1/Nói được tiếng của cha hoặc mẹ; 2/Nói được cả tiếng của cha và của mẹ; 3/Nói được cả tiếng của cha /hoặc mẹ và ngôn ngữ ở nơi nó sinh ra; 4/Chỉ nói được tiếng mà nơi nó sinh ra (đơn ngữ). Khi lớn lên và thay đổi môi trường sống, đứa trẻ này có thể vẫn giữ được ngôn ngữ ban đầu và biết thêm ngôn ngữ mới, nhưng cũng có thể biết thêm (một hoặc hơn một) ngôn ngữ mới mà quên dần, dẫn đến quên hẳn ngôn ngữ ban đầu. (Cũng xin

lưu ý là, ở đây chỉ đề cập đến năng lực nói mà không đề cập đến năng lực viết. Li do là vì năng lực viết liên quan đến chữ viết của các ngôn ngữ, trong khi đó, có một số ngôn ngữ không/chưa có chữ viết).

Đây chính là lí do giải thích vì sao, UNESCO khi xem xét vấn đề giáo dục bằng bản ngữ đã đưa ra khái niệm về tiếng mẹ đẻ và luôn có sự điều chỉnh: tiếng mẹ đẻ “là ngôn ngữ mà con người học được trong những năm đầu của đời mình và thường trở thành công cụ tư duy và truyền thống tự nhiên” (UNESCO, 1951). “Tiếng mẹ đẻ không cần phải là thứ tiếng mà cho mẹ đẻ trẻ dùng, cũng không cần phải là ngôn ngữ ngẫu nhiên mà đứa trẻ học để nói, bởi vì có những hoàn cảnh đặc biệt làm cho nó vào một tuổi rất sớm đã bỏ một phần hay bỏ hoàn toàn ngôn ngữ đó (UNESCO, 1968). Liên quan đến tiếng mẹ đẻ còn có một khái niệm nữa gọi là “người không có tiếng mẹ đẻ” (speakers without a native language; SWONAL). Năng lực ngôn ngữ chủ yếu của người không có tiếng mẹ đẻ không phải là tiếng mẹ đẻ của họ cũng không phải ở ngôn ngữ thứ hai họ học được mà là ở một ngôn ngữ trung gian. Người không có tiếng mẹ đẻ thường sống ở xã hội mà ở ngôn ngữ thứ hai của họ đang thịnh hành trong giao tiếp. [6].

Thiết nghĩ, liên quan đến khái niệm tiếng mẹ đẻ, cũng cần nêu ra khái niệm “người bản ngữ” (native speaker). Trong bài viết có tiêu đề là “Người bản xứ: Một mô hình có thể đạt được/khả dĩ? (The Native Speaker: An Achievable Model?)” do tạp chí Tạp chí EFL châu Á xuất bản đã đưa ra sáu nguyên tắc chung liên quan đến định nghĩa của “người bản ngữ” (native speaker), là: 1/Cá nhân có được ngôn ngữ trong thời thơ ấu; 2/Cá nhân có kiến thức trực quan về ngôn ngữ; 3/Cá nhân có thể tạo ra diễn ngôn lưu loát, tự phát; 4/Cá nhân thạo về giao tiếp; 5/Cá nhân xác định với hoặc được xác định bởi một cộng đồng ngôn ngữ; 6/Cá nhân có một giọng phương ngữ (bao gồm cả phương ngữ chính thức).

2.2. Thực tế tiếng mẹ đẻ ở vùng dân tộc thiểu số

2.2.1. Quá trình khảo sát tình hình sử dụng ngôn ngữ ở vùng dân tộc thiểu số (DTTS), chúng tôi quan sát và thấy thực tế về tiếng mẹ đẻ như sau:

1/Tiếng mẹ đẻ là tiếng của dân tộc mình và có thể sử dụng để giao tiếp nói.

Hầu như người DTTS đều gắn tiếng mẹ đẻ với thành phần dân tộc của mình, tức là, dân tộc của họ là gì thì tiếng mẹ đẻ của họ chính là tiếng của dân tộc đó. Chẳng hạn, tôi là dân tộc Tày thì tiếng mẹ đẻ của tôi là tiếng Tày, tôi là dân tộc Mường thì tiếng mẹ đẻ của tôi là tiếng Mường, tôi là dân tộc Dao thì tiếng mẹ đẻ của tôi đương nhiên là tiếng Dao. Ở trường hợp này, người DTTS đều có khả năng sử dụng tiếng của dân tộc mình trong giao tiếp nói. Đây là cách nhìn phổ biến ở vùng DTTS.

2/Tiếng mẹ đẻ là tiếng của dân tộc mình nhưng bản thân không có khả năng biết sử dụng tiếng đó để giao tiếp nói hoặc nếu có thì chỉ là giao tiếp rất đơn giản, có khi chỉ có thể nghe hiểu phần nào. Trường hợp này xuất hiện ở những người DTTS có môi trường ngôn ngữ như sau:

- Cư trú ở thành phố, thị xã, thị trấn, thị tứ hoặc khu vực trung tâm của xã, ven đường đường giao thông lớn. Tại đây, do có nhiều người Kinh hoặc/và có nhiều người thuộc các dân tộc khác nhau, theo đó, mọi người đều lấy tiếng Việt là ngôn ngữ giao tiếp chung. Từ đó dẫn đến, ngay trong gia đình cũng sử dụng tiếng Việt. Ngoài lí do này, ở một vài địa phương DTTS, chúng tôi còn được biết thêm lí do: do ở thị trấn, thị tứ nên một số người DTTS có tâm lí ngại đối tiếng dân tộc, “cảm thấy xấu hổ”, không muốn người khác biết mình là người DTTS (nên họ cũng ngại cả việc mặc trang phục của dân tộc mình).

- Những người kết hôn khác dân tộc không có điều kiện sử dụng tiếng mẹ đẻ, do cư trú tại cộng đồng giao tiếp của dân tộc nhà chồng (hoặc vợ), lâu dần quên tiếng dân tộc mình. Thực tế cho thấy, việc kết hôn khác dân tộc thường làm cho một trong hai người chuyển hẳn sang một cộng đồng giao tiếp mới, theo đó, cá nhân họ không có người cùng dân tộc để nói tiếng mẹ đẻ của mình và họ chỉ còn một cách lựa chọn: sử dụng tiếng Việt và học ngôn ngữ của nhà chồng. Theo một số ý kiến người DTTS, thông thường nếu ai có ý thức học thì trong khoảng 2,3 năm là có thể giao tiếp tốt và nếu trên 5 năm thì “như là người của dân tộc đó”.

- Một số gia đình có “chủ trương” không sử dụng tiếng mẹ đẻ để cho con cái tập trung vào việc nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt. Hệ quả dẫn đến là, trẻ em ngay từ nhỏ đã không biết tiếng mẹ đẻ. Tuy nhiên, khi lớn lên, vào độ tuổi 10-14, khi mà con cái họ đã vững vàng về tiếng Việt thì ở một số nơi, các bậc cha mẹ lại bắt đầu yêu cầu con trẻ của mình “quay trở lại” học nói tiếng mẹ đẻ. Theo họ, việc làm này để cho trẻ một mặt không bị mất gốc, mặt khác, còn có thể giao tiếp được với ông bà, họ hàng mỗi khi về quê vào những dịp giỗ tết, nghỉ hè, lễ hội,...

3/Nếu như quan niệm về tiếng mẹ đẻ ở (1) và (2) thuộc về những người có cha mẹ cùng dân tộc, thì đối với những người DTTS sinh ra từ cuộc hôn nhân khác dân tộc, vấn đề tiếng mẹ đẻ có phần phức tạp hơn.

Trước hết, xét về năng lực ngôn ngữ, người DTTS có một trong các khả năng ngôn ngữ như: a. Nói được tiếng của bố mẹ và tiếng Việt (bố mẹ cùng dân tộc); b. Nói được tiếng của bố và tiếng Việt (bố mẹ khác dân tộc); c. Nói được tiếng của mẹ và tiếng Việt (bố mẹ khác dân tộc); d. Nói được cả tiếng của bố, của mẹ và tiếng Việt (bố mẹ khác dân tộc); e. Nói được tiếng của bố và/hoặc tiếng của mẹ (không nói được tiếng Việt); g. Chỉ có thể nói được tiếng Việt.

Cả 6 trường hợp này đều xuất hiện ở vùng DTTS. Trong đó, trường hợp (a) là phổ biến đối với những người có cha mẹ cùng dân tộc. Đối với trường hợp cha mẹ khác dân tộc thì trường hợp (b), (c) phổ biến hơn trường hợp (d). Trường hợp (e) thường có ở những người DTTS cao tuổi (chiếm khoảng 10%). Trường hợp (g) tuy chưa nhiều nhưng đang có xu hướng tăng ở những người DTTS trẻ tuổi.

Ngoài ra, ở các cộng đồng DTTS, không ít người còn có khả năng nói được tiếng của một hoặc hơn một tiếng của DTTS khác (ở các mức độ khác nhau). Có thể thấy một tình hình chung là, cư trú đan xen giữa các DTTS (đại đa số là trong phạm vi một xã, cũng có trường hợp ở trong một số thôn bản) đã tạo điều kiện cho người DTTS học và sử dụng ngôn ngữ của nhau. Khả năng này xuất hiện nhiều ở các trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh hoặc huyện. Do sống tập trung, lại đang ở lứa tuổi “thuận lợi trong việc học tiếng”, các em thuộc các dân tộc khác nhau rất nhanh làm quen với nhau và nói được tiếng của nhau. Tuy nhiên, cũng phải nói thêm là, mức độ có khác nhau. Chẳng hạn, tại Cao Bằng, một số bà con có nhận xét rằng, người Mông có thể nói tiếng Nùng, tiếng Tày, nhưng người Nùng ít nói được tiếng Mông; không có nhiều Tày nói được tiếng Dao, ngược lại, người Dao nói tốt tiếng Tày.

2.2.2. Trong quá trình khảo sát thực tế, khi hỏi tiếng nào là tiếng mẹ đẻ, chúng tôi thường nhận được những câu trả lời như sau:

- Tiếng mẹ đẻ là “tiếng của bố mẹ”. Câu trả lời này có ngay được ở những người có bố và mẹ cùng dân tộc. Tuy nhiên, chúng tôi cũng nghe được câu trả lời này ở những người có bố và mẹ là thuộc hai dân tộc khác nhau. Cách trả lời này cho thấy, tiếng mẹ đẻ không chỉ là một mà có thể là hai. Mặc dù vậy, chúng tôi cũng có suy nghĩ rằng, phải chăng đây chỉ là cách trả lời có tính chất tự phát.

- Tiếp theo là câu trả lời hoặc là (a) “tiếng của bố” hoặc là (b) “tiếng của mẹ”. Việc trả lời theo cách nào phụ thuộc vào từng gia đình và có liên quan đến việc nhận thành phần dân tộc. Qua phiếu khảo sát, chúng tôi thấy có một thực tế là: nếu một trong hai người (bố hoặc mẹ) là người Kinh thì gần như 100% người con nhận là người dân tộc của mẹ (Dao, Tày, Thái, Mông, Giáy, v.v.). Sở dĩ chúng tôi nói “gần như 100%”, vì trong phiếu khảo sát có một trường hợp nhận là “Kinh”. Thiết nghĩ, việc nhận là người DTTS như vậy có thể liên quan đến tình hình cư trú hiện tại là đang ở vùng DTTS và liên quan đến chế độ chính sách về dân tộc.

- Lúng túng không biết trả lời thế nào là trường hợp không hiếm gặp.

- Chuyên đôi sang sử dụng ngữ DTTS khác nhưng vẫn nhận tiếng dân tộc mình là tiếng mẹ đẻ. Đây là những người thuộc cộng đồng mà cả cộng đồng của họ từ bỏ ngôn ngữ của mình chuyển sang sử dụng ngôn ngữ khác. Trường hợp này tuy chúng tôi gặp chưa gặp nhiều, nhưng không phải là không có. Chẳng hạn, người La Ha ở xã Noong Lay, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đã chuyển sang nói tiếng Thái nhưng họ vẫn nhận tiếng La Ha là tiếng mẹ đẻ. Đáng chú ý là cách xã này khoảng 40 km, tức là tại xã Pi Toong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La, cộng đồng người La Ha vẫn sử dụng tiếng La Ha trong giao tiếp hằng ngày.

- Coi tiếng mẹ đẻ của mình là nhóm nhỏ của một DTTS. Đây là trường hợp liên quan đến thành phần dân tộc. Chẳng hạn:

Người Cao Lan (Đông Bắc, Tây Bắc) được xếp vào dân tộc Sán Chay (Cao Lan- Sán Chỉ) cho rằng, tiếng mẹ đẻ là tiếng Cao Lan. Người Pu Nà (tỉnh Lai Châu) được xếp vào dân tộc Giáy cho rằng, tiếng mẹ đẻ là tiếng Pu Nà (Pủ Nà, Cùi Chu). Theo ý kiến của một người ở Lai Châu: “tôi được xếp vào dân tộc Giáy, nhưng thực ra tôi là người Pu Nà, vợ người Thái. Nếu dạy tiếng mẹ đẻ cho con tôi thì tôi sẽ dạy cho cháu biết cả tiếng Pu Nà và tiếng Thái”. Người Pa Cô (Thừa Thiên-Huế) được xếp vào dân tộc Tà Ôi cho rằng, tiếng mẹ đẻ là tiếng Pa Cô. Người Pa Hy (Thừa Thiên-Huế) được xếp vào dân tộc Tà Ôi cho rằng, tiếng mẹ đẻ là tiếng Pa Hy. Cũng nhân đây, cần nêu ra một trường hợp đáng chú ý: trong quá trình khảo sát tại Huế, nhiều người có ý kiến cho rằng “chỉ có dân tộc Vân Kiều” mà không có “dân tộc Bru-Vân Kiều”. Lí do là vì “Bru” trong tiếng Vân Kiều có nghĩa là “dân tộc”. Ý kiến này làm chúng tôi liên tưởng đến cách nói “*cây có thu*”, “*sông Hoàng Hà*”, “*Núi Thái Sơn*”.

- Trường hợp người Hoa thuộc dân tộc Hoa thường tự nhận tiếng dân tộc là tiếng địa phương của họ, như: tiếng Quảng Đông, tiếng Triều Châu, tiếng Phúc Kiến, tiếng Hẹ, tiếng Hải Nam [Tư liệu do Hoàng Quốc cung cấp].

3. Để giới thiệu thêm về khả năng sử dụng tiếng mẹ đẻ của người DTTS, dưới đây chúng tôi xin cung cấp kết quả điều tra được rút ra từ điều tra chung bằng bảng hỏi ở vùng Đông Bắc và Tây Bắc (năm 2018), cụ thể:

Tên địa bàn khảo sát	Tỉnh	Số người được khảo sát	Tổng
Đông Bắc	Tỉnh Cao Bằng	287	567
	Tỉnh Tuyên Quang	280	
Tây Bắc	Tỉnh Lai Châu	392	850
	Tỉnh Sơn La	458	

Số liệu và kết quả được xử lí trên chương trình SPSS.

Kết quả:

Bảng: Dân tộc của bản thân và Năng lực nói tiếng mẹ đẻ

	Không biết		Biết nói một ít		Giao tiếp bình thường		Chọn nhiều phương án		Không trả lời		Tổng	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Cao Lan	0	-	2	0,14	8	0,56	0	-	2	0,14	12	0,85
Choang	0	-	0	-	1	0,07	0	-	0	-	1	0,07
Công	0	-	1	0,07	0	-	0	-	0	-	1	0,07
Dao	0	-	4	0,28	75	5,29	2	0,14	12	0,85	93	6,56
Dao đỏ	0	-	4	0,28	2	0,14	0	-	2	0,14	8	0,56
Dao tiền	0	-	3	0,21	0	-	0	-	0	-	3	0,21
Giáy	0	-	1	0,07	11	0,78	1	0,07	0	-	13	0,92
H'mông	9	0,64	3	0,21	76	5,36	3	0,21	17	1,20	108	7,62
Hà Nhì	0	-	0	-	6	0,42	1	0,07	1	0,07	8	0,56
Hán	0	-	1	0,07	1	0,07	0	-	0	-	2	0,14
Khơ mú	0	-	0	-	6	0,42	0	-	1	0,07	7	0,49
La Chí	0	-	0	-	2	0,14	1	0,07	0	-	3	0,21
La Ha	0	-	0	-	4	0,28	0	-	1	0,07	5	0,35
La Hù	0	-	0	-	7	0,49	0	-	1	0,07	8	0,56
Lào	0	-	1	0,07	48	3,39	2	0,14	1	0,07	52	3,67
Lự	0	-	0	-	1	0,07	0	-	1	0,07	2	0,14
Mảng	0	-	0	-	1	0,07	0	-	0	-	1	0,07
Mường	0	-	0	-	14	0,99	0	-	1	0,07	15	1,06
Nùng	1	0,07	3	0,21	33	2,33	5	0,35	4	0,28	46	3,25
San Chí	0	-	0	-	1	0,07	0	-	0	-	1	0,07
Sán Diu	0	-	1	0,07	4	0,28	0	-	0	-	5	0,35
Tày	12	0,85	51	3,60	213	15,03	14	0,99	23	1,62	313	22,09
Thái	3	0,21	2	0,14	58	4,09	2	0,14	6	0,42	71	5,01
Thái đen	0	-	0	-	1	0,07	0	-	0	-	1	0,07
Thổ	0	-	0	-	0	-	0	-	1	0,07	1	0,07
Tông	0	-	0	-	1	0,07	0	-	0	-	1	0,07
Kinh	3	0,21	6	0,42	132	9,32	6	0,42	103	7,27	250	17,64
Không trả lời	1	0,07	3	0,21	48	3,39	5	0,35	41	2,89	98	6,92
Tổng	29 (2,05)		88 (6,21)		1.006 (71,00)		48 (3,39)		246 (17,36)		1.417 (100,00)	

Kết quả khảo sát cho thấy một thực tế là: người DTTS tại vùng Đông Bắc và Tây Bắc có khả năng sử dụng tốt tiếng dân tộc của mình: 71% sử dụng giao tiếp bình thường; 6,21% biết một ít; 2,05% không biết tiếng mẹ đẻ.

4. Kết luận

Ngày Quốc tế Tiếng mẹ đẻ là ngày tôn vinh tiếng mẹ đẻ, thể hiện sự quan tâm của UNESCO nhưng cũng là nhắc nhở chúng ta về sự đa dạng của ngôn ngữ của loài người. Mặc dù “tiếng mẹ đẻ” còn là một khái niệm phức tạp với các cách nhìn đa chiều, nhưng không vì thế mà bị xem nhẹ. Việc coi tiếng dân tộc là tiếng mẹ đẻ thể hiện ý thức tự giác tộc người của người DTTS ở Việt Nam, cần được tôn trọng, bảo tồn và phát huy.

* Bài viết thuộc sản phẩm đề tài độc lập cấp Quốc gia; Mã số ĐTĐL-XH-06/18.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. <https://en.unesco.org/commemorations/motherlanguageday>.
2. https://en.wikipedia.org/wiki/International_Mother_Language_Day
<https://en.unesco.org/events/international-mother-language-day-2019-opening-event-unesco-hq>.
3. https://en.wikipedia.org/wiki/First_language.
<https://www.mothertongue.com/>
4. Love, Nigel, and Umberto Ansaldo (2010), *The Native Speaker and the Mother Tongue*. Language Sciences 32.6 (2010): 589-93.
4. Nguyễn Văn Khang (2015), *Chính sách ngôn ngữ và lập pháp ngôn ngữ ở Việt Nam*. Nxb KHXH.
5. Nguyễn Văn Khang (2018), *Cơ sở lý thuyết và thực tiễn về tình hình sử dụng ngôn ngữ ở vùng dân tộc thiểu số: Một số vấn đề về đa ngữ xã hội*, Trong “Tình hình sử dụng ngôn ngữ ở vùng dân tộc thiểu số: vùng Đông Bắc và Tây Bắc”. Nxb Văn hóa dân tộc, tr.1-20.
6. Nguyễn Văn Khang (2014), *Ngôn ngữ học xã hội*. Nxb Giáo dục Việt Nam.

International Mother Language Day

and some issues about “mother tongue” from reality in current ethnic minority areas

Abstract: The article introduces the International Mother Language Day (February 21) and issues around the concept of mother language, to indicate the concept's complexity. Accordingly, the article, basing on an actual survey, shows some characteristics of mother language in certain current ethnic minority areas.

Key words: International Mother Language Day; mother tongue/mother language; ethnic minority.